

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 21- 7- 2023 .

V/v “ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Sinh Huy
2. Ông Nguyễn Đình Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít : Không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 82/2023/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2023; Về việc: “ *Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị H, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã H, huyện G, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H là Luật sư Lê Tấn P – thuộc Văn phòng luật Q – Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 3 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Phùng Thị H trình bày:

Chị Phùng Thị H và anh Nguyễn Thanh S là vợ, chồng hợp pháp được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện G, tỉnh Thái Nguyên. Vợ, chồng chung sống có 01 con chung là Nguyễn Thanh K, sinh ngày 21/10/2004 hiện đã trưởng thành, thời gian đầu sống chung hạnh phúc, nhưng càng về sau mâu thuẫn càng nhiều nên vợ, chồng đã ly thân từ đầu năm 2016, nguyên nhân do anh S không lo làm ăn, không quan tâm vợ, con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Nay cảm thấy tình cảm không còn nên chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Nguyễn Thanh K, sinh ngày 21/10/2004 hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị H đã nộp cho Tòa án, không cung cấp gì thêm.

Tại phiên Tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Lê Tấn Phát trình bày: Căn cứ vào mâu thuẫn nhiều năm của vợ chồng chị H và anh S, hiện nay đã ly thân nhau không đoàn tụ lại nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H ly hôn, về con chung Nguyễn Thanh K, sinh ngày 21/10/2004 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia, không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện yêu cầu hoặc phản bác đối với yêu cầu của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là “ *Ly hôn* ” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Phùng Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Thanh S được triệu tập hợp lệ trên hai lần nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt là phù hợp Điều 227, 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2003 anh S, chị H có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh S, chị H là hợp

pháp. Chị Phùng Thị H trình bày do mâu thuẫn vợ, chồng nên đã ly thân từ năm 2016 đến nay không đoàn tụ lại anh S không phản bác nên Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Nguyễn Thanh K, sinh ngày 21/10/2004 hiện đã trưởng thành đủ khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.4] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị H.

1. Chị Phùng Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.
2. Về con chung: Nguyễn Thanh K, sinh ngày 21/10/2004 hiện đã trưởng thành đủ khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phùng Thị H nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số N⁰0007669, ngày 31/3/2023.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện MT 01b;
- THA DS huyện MT 01b;
- Phòng KTNV & THA TAT 01b;
- UBND xã TLH, PNS 02b;
- Các đương sự 02bản ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo